

SỐ 1532

THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN KINH LUẬN

Tác giả: Bồ-tát Thiên Thân.

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam Tạng Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi.

QUYỂN 1

Nghĩa của bốn câu: “Quy mạng Phật Thích-ca Mâu-ni...”: Ở phần đầu của các kinh đều có luận giải thích. Như sự giải thích đó nên biết.

Đức Phật giảng nói pháp môn này ở giữa đại chúng: Là nhằm chỉ rõ pháp thù thắng thuộc về đại chúng nơi trú xứ thuyết pháp, vì dựa vào thắng cảnh của núi kia để thuyết giảng.

Sáu vạn bốn ngàn Tỳ-kheo Tăng: Đây là chỉ rõ sự trang nghiêm nơi đại chúng của Như Lai.

Pháp môn của kinh này rất là sâu xa, mầu nhiệm, hoàn toàn siêu việt cảnh giới của hàng Thanh văn, vì chỉ rõ Như Lai có khả năng giảng nói nghĩa cao hơn hết.

Bảy vạn hai ngàn các Bồ-tát. Vì sao Bồ-tát lại nhiều hơn Thanh văn? Vì kinh điển này nhằm vào các Đại Bồ-tát mà giảng nói về pháp hết mực thâm diệu.

Đó là điều mà bậc trí đều biết. Đã nhận biết rồi tại sao phải nói lại? Vì dựa vào pháp thế gian.

Thế gian nói sự thù thắng trong thù thắng. Như nói đoạn nghiêm tột bậc trong sự đoạn nghiêm, mới có thể hướng đến tương lai. Đối với

người có đức tốt đẹp trong mọi người có đức, mới có thể xây dựng cho tương lai.

Các Bồ-tát kia đều có trí riêng, không phải là có chung. Lại còn có nghĩa: Đó là điều mà bậc trí đều biết.

Nhận biết: Là đã nhập vào cảnh giới nơi đối tượng nhận biết của Bồ-tát. Đó là làm rõ nghĩa gì? Nguyên vì trước kia, các Đại Bồ-tát này đã từng thực hành việc các Bồ-tát làm, nên biết được Bồ-tát kia. Vì thế nên nói: Đó là điều mà bậc trí đều biết.

Các Bồ-tát là bậc trí kia, về đối tượng được nhận biết có bảy loại đức, đều dựa vào biện tài ưa nói pháp, nên biết. Những gì là bảy? Đó là:

1. Biện tài ưa giảng nói mọi thứ.
2. Biện tài ưa giảng nói pháp không vấp vấp.
3. Biện tài ưa giảng nói pháp kiên cố.
4. Biện tài ưa giảng nói pháp rõ ràng dễ hiểu.
5. Biện tài ưa giảng nói pháp không khiếp nhược.
6. Biện tài ưa giảng nói pháp tương ứng.
7. Biện tài ưa giảng nói tùy ý mở rộng.

Các biện tài trên đây như kinh nói: Chứng được đầy đủ Đà-la-ni, cho đến chứng ngộ Vô sinh pháp nhẫn.

Bảy câu như thế theo thứ tự mà giảng nói, nghĩa này nên biết. Nên biết như thế nào? Đà-la-ni là do tuệ nghe nhiều học rộng, ưa giảng nói các pháp môn, cho nên gọi là vô số các thứ biện tài ưa giảng nói. Vì giảng nói rất nhanh nhẹn, lưu loát, không dừng lại, cho nên gọi là biện tài ưa giảng nói không ngưng trệ, vấp vấp. Vì đã được thâm nhận các Tam-muội cho nên không hề quên sót, lầm lẫn, do đó gọi là biện tài ưa giảng nói vững chắc.

Các Đại Bồ-tát..., vì đã trú chắc do dựa vào diệu lực thần thông thù thắng, không sợ tất cả các thứ ma..., nên gọi là biện tài ưa giảng nói rõ ràng, dễ hiểu.

Bồ-tát đã được bốn pháp không sợ hãi, với uy đức mầu nhiệm, đối với chúng của mình, của người khác đều không chút sợ hãi, cho nên gọi là biện tài ưa giảng nói không khiếp nhược.

Dựa vào sự giả danh, nhờ oai lực Phật gia bị, nên Bồ-tát đã thành tựu Thể tướng của ba pháp, và không điên đảo, cho nên gọi là biện tài ưa giảng nói tương ứng. Chứng ngộ được Vô sinh pháp nhẫn trong tám địa, tùy ý giảng nói pháp, lìa mọi chướng ngại khi nói pháp, cho nên gọi là biện tài ưa giảng nói tùy ý mở rộng.

Bậc Thánh là chỉ cho các vị Bồ-tát như Văn-thù-sư-lợi... Vì nghĩa gì mà gọi là Pháp vương tử? Vì từ khi mới phát tâm trở về sau, các Bồ-tát luôn đoạn tuyệt pháp dâm dục. Ngay lúc mới phát tâm, là đã chứng nhập chánh vị nơi tâm định của Bồ-tát, cho nên nhận biết như thế.

Tất cả Bồ-tát đều là các bậc Đại Hiền sĩ. Vì sao chỉ nói Thánh giả Bạt-đà-bà-la..., gọi là bậc Đại Hiền sĩ? Vì chỉ rõ về tâm hành nổi bật. Các Bồ-tát như Bạt-đà-bà-la..., đều có tâm niệm như thế này: Ta đã giáo hóa chúng sinh, đều khiến họ phát tâm Bồ-đề, cầu đạt quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đã được như thế, lại hóa độ chúng sinh, khiến chứng đắc quả vị Bồ-đề Vô thượng. Thế nên việc làm lợi mình, lợi người là sự tu hành như thật nổi bật, vì tự mong cầu Bồ-đề, đồng thời cũng hóa độ chúng sinh khiến chứng được Bồ-đề. Vì thế nên nói Bạt-đà-bà-la..., kia là bậc Đại Hiền sĩ.

Có trăm ngàn vạn đại chúng vây quanh, là chỉ rõ về quyền thuộc vĩ đại của Như Lai.

Tất cả đều là những người đạt được tâm định. Đây là do Đức Như Lai có thể thống lãnh đại chúng, là bậc tối thắng trong đại chúng, dùng trăm ngàn vạn chúng chỉ rõ về Đại sự, cho nên vây quanh.

Nói vây quanh là chỉ rõ đại chúng thấy đều khéo điều phục các phiền não.

Nên gọi là thuyết pháp pháp, là chỉ rõ Đức Như Lai thường xuyên thuyết pháp không đoạn tuyệt, vì đã xa lìa mọi lỗi lầm. Đầu gối bên phải chấm sát đất, là chỉ rõ tướng oai nghi khi sắp thừa hỏi Phật. Lại nhằm chỉ ra tướng nhất tâm của các đại chúng...

Hai gối đều chấm sát đất, là tướng không phải lễ bái, cũng không thành tướng định hỏi Phật, vì theo các thế gian, gối bên phải chạm sát đất là tướng cung kính, tôn trọng.

Làm rung động cả ba ngàn đại thiên thế giới này, là vì các ma không gây trở ngại cho người nói pháp, nhằm làm cho các ma đâm ra hoảng sợ. Vả lại, khi Phật thuyết pháp, đại chúng không khởi tâm tán loạn, lại vì có thể hóa độ chúng sinh.

Nếu là người phóng dật, Phật sẽ khiến tự nhận biết. Lại vì khiến chúng sinh nhớ nghĩ đến tướng của pháp.

Và còn có nghĩa: Gây chấn động các chúng sinh..., trong ba ngàn đại thiên thế giới này, khiến chúng sinh quan sát được các đại chúng này đang hiện diện nơi trú xứ thuyết pháp. Lại vì giáo hóa chúng sinh đã thuần thực, khiến được giải thoát. Lại vì khiến cho tùy thuận hỏi về nghĩa đúng đắn. Phật nói với Bồ-tát Vông Minh: Tùy ý Bồ-tát thừa hỏi,

Ta sẽ giải nói làm vui lòng ông. Như Lai nghe hỏi, chỉ rõ tự thân Ta là người Nhất thiết trí, vì khiến cho người nghe nghe Như Lai thuyết pháp mà sinh tâm tôn trọng.

Có thể thấy được thân Phật, là tùy thuận quan sát phần thân nào của Như Lai mà không thể rời bỏ. Lại quan sát phần thân khác của Như Lai, vì thân tướng của Như Lai là vi diệu vượt hơn ánh sáng của trăm ngàn vạn mặt trời, mặt trăng. Đây là chỉ rõ tướng thù thắng tương ứng với tướng vi diệu linh hoạt.

Chỉ rõ tướng xuất thế gian của Như Lai, vì thân Như Lai có đủ tướng như thế. Như Lai vì ban cho chúng sinh niềm vui và sự yên ổn, cho nên thị hiện sự nhận biết được tương ứng với tâm chân chánh ngay thẳng và sự tu hành tương ứng với quả của trí, nên biết.

Nên biết thế nào? Nên biết: Đức Như Lai dựa vào sắc tướng kia, phát ra các hào quang, có thể tạo thành hai điều lợi ích cho chúng sinh, nghĩa là chư Phật cho chúng sinh sự yên ổn và niềm vui, tương ứng với trí, soi sáng quốc độ chư Phật.

Ta tự cảm nghĩ, nếu chúng sinh nào có thể trông thấy được thân Phật và tư duy. Ở đây, sự trông thấy đầu tiên là ngắm nhìn sắc tướng của Phật. Nói tư duy là sau đó tiếp tục quan sát. Nói các hào quang tỏa sáng dựa vào ba pháp sai biệt, nên biết. Ba pháp đó là: Nhân-Danh và hoàn thành.

Gọi là nhân; tức là chư Phật ban cho chúng sinh niềm vui và sự yên ổn, là sự tu hành tương ứng với trí, nghĩa này nên biết. Danh là như kinh nói, là sự vắng lặng trang nghiêm, cho đến gọi là thị hiện tất cả các loại sắc như thế.

Dựa vào chính mình, mỗi mỗi chúng sinh tạo nghiệp sai biệt, về nghĩa này nên biết. Nói hoàn thành là sự nghiệp đều đã hoàn thành, nêu tóm lược có bốn loại. Vì theo nghĩa ấy cho nên nói giản lược thì có bốn loại hào quang tỏa sáng. Nghĩa là thọ dụng, công đức tăng trưởng, dứt điều ác, khiến tin tưởng.

Nói thọ dụng là chư Phật Như Lai có thể hóa độ chúng sinh, cho họ cùng tiếp nhận niềm vui với pháp. Chúng sinh thọ dụng niềm vui, có nghĩa là được trông thấy Như Lai, cúng dường Như Lai, lễ bái Như Lai, thưa hỏi Như Lai, nên biết.

Được trông thấy Như Lai, cúng dường Như Lai là dựa vào hào quang tỏa sáng thứ nhất, được trông thấy Như Lai và tư duy về Như Lai.

Được trông thấy, cúng dường Như Lai, là hào quang tỏa sáng thứ

nhất.

Nói lễ bái Như Lai là chỉ rõ nghiệp thân cúng dường. Trông thấy Như Lai, không phải là cúng dường, nên biết.

Thư hỏi Như Lai, hào quang tỏa sáng thứ hai là nói trong phần đã hỏi, vì có thứ tự sai biệt về quả báo của thế gian và xuất thế gian.

Lại còn có sáu loại hào quang tỏa sáng, soi rọi về sự sai biệt mẫu nhiệm, tốt đẹp của quả báo thế gian, dựa vào hai loại địa:

1. Địa không phải định.
2. Địa dựa vào định.

Trong địa không phải định, do thệ nguyện tiếp nhận hai loại quả báo:

1. Quả báo thắng diệu của Chuyển luân Thánh vương.
2. Quả báo thắng diệu của Trời Đế Thích.

Dựa vào địa định, nghĩa là quả báo thắng diệu của vua Phạm thiên. Vì sao không nhận lấy các quả báo của Trời Dạ-ma...? Vì các kinh nơi thế gian đều không nói đến. Đức Phật phát ra hào quang tỏa sáng, lẽ ra nên soi sáng cõi trời đó, nhưng vì không có trong các kinh, cho nên riêng cõi trời này không nói đến.

Sự sai biệt nơi quả báo xuất thế gian, nghĩa là dựa vào ba loại sai biệt của ba Thừa. Về nghĩa này nên biết.

Nói tăng trưởng công đức, nghĩa là tăng trưởng ba loại công đức.

1. Chúng sinh ở trong đường dữ, khuyên bảo thoát ly nơi đó, đến đời sau sẽ được sinh nơi đường lành.

2. Chúng sinh đang cam chịu đau khổ, Bồ-tát liền hiện thân trong cảnh đó để ban cho họ an vui, khiến được hoan hỷ.

3. Có thể khuyên bảo những chúng sinh phóng dật sớm quay về pháp thiện.

Nói dứt điều ác, nghĩa là khuyên bảo chúng sinh lìa các cõi, lìa các cảnh giới, lìa các nạn, lìa các chướng, gọi là dứt các điều ác.

Các cõi có hai loại:

1. Đường dữ.
2. Đường lành.

Đường dữ có ba loại:

1. Khuyên bảo các chúng sinh lìa các tai nạn, là khiến chúng sinh thoát ly các thứ khổ nạn nơi ba đường dữ.

2. Khiến các chúng sinh lìa các chướng, là khuyên bảo chúng sinh lìa các căn không nguyên vẹn trong đường lành: Nghiệp ác, mù, điếc, tâm thức mê mờ, lầm lạc, đó là các thứ chướng.

3. Lìa các chướng ngại trong các địa.

Các địa có ba loại:

1. Địa Bồ-tát.
2. Địa Thanh văn.
3. Địa phàm phu.

Trong địa Bồ-tát là khiến chúng sinh xa lìa sáu chướng được đối trị do các Ba-la-mật.

Trong địa Thanh văn, nghĩa là khiến chúng sinh xa lìa ba loại chướng; chướng không cung kính và chướng không có trí. Gia tăng phiền não, không thể chấm dứt, mà còn khởi lên phiền não, nên gọi là chướng. Vả lại, không cung kính là bị cản trở do không tin tưởng. Lại nữa, không có trí là bị cản trở do không có tuệ học rộng nghe nhiều. Lại như phiền não thêm lên, không thể ngăn cấm, còn để chúng nổi dậy, cho nên gọi là chướng, tức là chướng không biết hổ thẹn.

Trong địa phàm phu, nghĩa là khiến chúng sinh xa lìa bốn loại chướng, dựa vào gốc tu tập mà các phiền não như tham lam, giận dữ, si mê hiện hành gây cản trở, đó là những tà niệm hiện hành.

Tất cả phiền não hiện hành gây cản trở cần phải xua tan chúng. Đây là dứt điều ác.

Dựa vào thứ tự của hai mươi một loại hào quang tỏa sáng mà nói, nên biết.

Nói khiến tin tưởng là trông thấy Như Lai với hào quang tỏa sáng vi diệu thù thắng, cho nên nảy sinh niềm tin tưởng và hy vọng muốn được trông thấy.

Các loại sắc lạ là trông thấy các loại màu sắc.

Trông thấy là hy vọng muốn được trông thấy.

Các thứ sắc lạ là các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng..., mỗi thứ đều khác nhau.

Vô lượng các sắc: Các màu xanh..., mỗi màu đều có vô lượng thứ.

Vượt qua trăm ngàn vạn màu sắc; tức là hào quang tỏa sáng thù thắng, vượt qua trong các sắc xanh..., khác.

Vượt qua, nghĩa là lại vượt qua vô lượng vô biên trong các sắc xanh, vàng...

Hoặc kiếp còn lại, là nói vượt qua một kiếp, cho đến vô lượng vô biên kiếp.

Công đức vô lượng vô biên của hào quang tỏa sáng không thể cùng tận, là công đức của hào quang tỏa sáng thật vô lượng vô biên,

không thể dùng toán số hay thí dụ để có thể theo kịp, cho đến cảnh giới Niết-bàn vô dư cũng không cùng tận, nên biết.

Tất cả hào quang tỏa sáng, cho đến A-tăng-kỳ kiếp vô số vô lượng ánh sáng cũng không ra khỏi sự tương ứng của bốn loại hào quang tỏa sáng thọ dụng...

Như vậy biết rằng Đức Như Lai thị hiện vô lượng vô biên hào quang tỏa sáng trang nghiêm, không thể nghĩ bàn phương tiện khéo léo tương ứng với pháp thuyết giảng. Thị hiện thuyết pháp, là pháp đã thuyết khiến cho có thể cảm hóa chúng sinh, làm cho tâm tôn trọng được phát sinh. Thị hiện pháp hiem có khiến cho phát sinh nhân tố tốt đẹp với tâm kính trọng.

Bạch Thế Tôn! Con chưa nghe nói đến tên của các hào quang tỏa sáng này, là chỉ rõ vô lượng vô biên công đức nơi hào quang của Như Lai. Điều không nói là không ca ngợi.

Nếu như vậy thì tại sao nay lại nói: Là chỉ rõ nhân của công đức vô thượng? Vì vậy tiếp theo nói: Bạch Thế Tôn! Như con hiểu được nghĩa pháp mà Phật đã thuyết. Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh nào được nghe tên gọi của các hào quang tỏa sáng như vậy, có thể phát sinh niềm tin, thanh tịnh với lòng tôn kính, thì các chúng sinh đó cuối cùng chắc chắn đạt được thân Như Lai với hào quang tỏa sáng như vậy.

Trước hết là phóng ra hào quang tỏa sáng. Bồ-tát Vông Minh đã nhận biết tất cả Như Lai đã làm công việc lợi ích cho chúng để họ cảm nhận các loại pháp lạc, muốn cùng với vô lượng các Bồ-tát khác cùng cảm nhận pháp lạc cho nên thưa thỉnh Như Lai để Ngài phóng ra hào quang tỏa sáng, như kinh nói: Bạch Thế Tôn! Chỉ mong hôm nay phóng hào quang thỉnh Bồ-tát để giác ngộ các Bồ-tát. Hào quang này không ra ngoài hào quang cảm nhận pháp lạc trong bốn loại hào quang ở trước. Khiến các Bồ-tát ở thế giới khác đều hay biết; tức là hào quang này nhập vào hào quang phân tán ở trước, cũng nhập vào hào quang tỏa sáng làm công đức tăng trưởng, nên biết như vậy.

Dùng các hào quang tỏa sáng nào soi sáng vô lượng vô biên thế giới? Trong này chỉ rõ vượt quá số lượng có thể kể được, cho nên gọi là vô lượng. Đi đến phương khác giống như hư không, vì biên giới không thể hình dung được, cho nên gọi là vô biên.

Nói hiện trú là trải qua các thế giới khác mà không rời nơi ấy, cho nên gọi là hiện trú. Không nhập Niết-bàn cho nên gọi là hiện mạng. Vì không có các bệnh cho nên gọi là hiện tại. Lại nói các pháp tương ứng với sự thanh tịnh, cho nên gọi là không có bệnh, nên biết. Phụng

sự, trông thấy Đức Phật ấy, là do hiện tại trông thấy Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Cúng dường Đức Phật ấy, là hết thảy vật dụng cúng dường thích hợp đều để cung cấp cúng dường tất cả.

Hỏi Đức Phật ấy thưa thỉnh đúng như pháp chăng?

Trả lời Đức Phật ấy trả lời đúng như pháp. Câu hỏi ngụ ý rất sâu xa vì tế là bởi vì đoạn trừ những mối nghi ngờ

Lại còn có nghĩa: Vì hiện tại được diện kiến, được cúng dường Phật, vì dựa vào bản hạnh oai nghi, nghe hỏi vì không cố ý. Như vậy theo thứ tự dựa vào pháp, dựa vào nghĩa mà hỏi pháp, hỏi nghĩa.

Từ đây trở xuống, dựa vào nghĩa hỏi trả lời, nên biết như vậy.

Mười loại tâm thanh tịnh kiên cố, sơ lược dựa vào hai loại mà nói:

1. Dựa vào tâm không cấu nhiễm mà nói.
2. Dựa vào tâm cung kính mà nói.

Dựa vào tâm không cấu nhiễm, là dựa vào bảy loại khác nhau vào pháp nhiễm, lia nhiễm của thế giới nhiễm-tịnh, nên biết.

Bảy thứ khác nhau là:

1. Pháp khác nhau, khác nhau vì pháp tịnh và pháp không tịnh.
2. Thọ khác nhau, khác nhau vì thọ khổ và thọ vui.
3. Nghiệp khác nhau, vì khác nhau về nơi sinh trong gia đình, tộc họ thượng-trung-hạ, khác nhau giữa hành ác-hành thiện và hành xen tạp.
4. Tâm khác nhau, vì các chúng sinh ở trong Phật pháp có tin pháp và không tin pháp cho nên khác nhau.
5. Hành khác nhau, vì có hành chánh-tà khác nhau.
6. Tâm tu hành khác nhau, vì hạnh nguyện của ba Thừa khác nhau.
7. Đạo khác nhau, vì đạo thiện-đạo ác khác nhau.

Sự cấu nhiễm của tâm ác như vậy thì dùng hình thức không nhiễm để đối trị nó.

Nói tám loại tâm thanh tịnh kiên cố, nghĩa này nên biết. Nên biết cái gì? Đó là pháp nhiễm khác nhau, ở đây có hai loại:

1. Dựa vào nghĩa, là khéo nói về tướng và không khéo nói về tướng, phân biệt như vậy.
2. Dựa vào pháp, là nghe nói tướng lành, nghe nói tướng không lành, phân biệt như vậy.

Đối trị: Câu đầu dùng tâm không giận dữ mà đối trị với tâm giận

dữ, là tâm không lay động, đối với lời nói tốt hay lời nói không tốt. Trước lời nói hung dữ, không khởi tâm niệm: Ta có thể chịu đựng. Về nghĩa này nên biết.

Câu hai nói dùng tâm từ: Là dùng tính chất của các văn tự như vậy để thuyết pháp không điên đảo khiến cho các chúng sinh trú vào nơi yên ổn. Đối trị với thọ nhiệm khác nhau, là mọi cảm thọ hiện có thấy đều là khổ.

Như vậy, trong muôn việc phải sinh tâm Bi bình đẳng, thương xót chúng sinh.

- Đối trị với nghiệp nhiệm khác nhau, là tu hành chân chánh như vậy ở tất cả mọi nơi, tâm đều bình đẳng ban cho niềm vui, tu hành với hiểu biết.

- Đối trị với tâm nhiệm khác nhau, là đối với mọi sự khinh chê-cúng dường đều xa lìa tâm cao-thấp.

- Đối trị với hành nhiệm khác nhau, là không thấy các lỗi lầm cho nên không nảy sinh tâm làm lợi ích.

- Đối trị với tâm tu hành cấu nhiễm khác nhau là bình đẳng một vị, không có tâm phải-quấy đối với ba Thừa.

- Đối trị với đạo cấu nhiễm khác nhau, là không sinh sợ hãi, tùy thuận nghiệp của mình. Khéo nhận biết như vậy, để quán sát Thể của pháp.

Đó gọi là tám loại tâm thanh tịnh kiên cố, dựa vào bảy loại tâm không ô nhiễm mà nói, nên biết như vậy.

Dựa vào tâm cung kính ở đây có hai loại:

1. Đối với tất cả Bồ-tát sinh ý tưởng như Thế Tôn, điều này nói rõ nghĩa gì? Đó là đối với các Bồ-tát sinh trong thế giới năm trước này mà sinh ý tưởng giống như nghĩa đến Như Lai.

Như vậy trong cõi Phật, nhìn thấy các Bồ-tát đều thực hành khổ hạnh, mong cầu đại Bồ-đề, không biết mỗi một luôn luôn tu hành như thật. Đối với Bồ-tát này sinh ý tưởng như Đức Như Lai. Vì vậy cho nên nói là sinh ý tưởng như Thế Tôn.

Lại sinh ý tưởng hy hữu, nghĩa này nên biết. Nên biết cái gì? Như Phật xuất thế thật là rất hy hữu. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, vì không từ bỏ việc phát tâm Bồ-đề cũng gọi là hy hữu. Vì vậy đối với họ sinh ý tưởng như Đức Thế Tôn.

2. Đối với Phật sinh ý tưởng hy hữu. Điều này có nghĩa gì? Như ở thế giới không cấu nhiễm, chúng sinh nơi ấy có thọ mạng vô lượng trăm ngàn vạn kiếp, chư Phật Như Lai luôn làm lợi ích cho họ. Như vậy, khi

Phật sinh trong thế giới quá nhiều phiền não này, với thời gian ngắn mà sinh ý sinh tướng hy hữu, nghĩa này nên biết. Tâm thanh tịnh kiên cố được lớn mạnh mãi và thành tựu, nghĩa này nên biết.

Bước vào hành tịch tĩnh, dựa vào tâm thanh tịnh kiên cố, luôn nghĩ đến Bồ tát được Bồ tát tiếp nhận. Ở thế giới thanh tịnh kia trăm ngàn vạn kiếp, không rời chánh niệm, thường tu phạm hạnh, ở cõi Ta Bà từ sáng tới trưa, kiên quyết giữ gìn giới cấm, tâm hạnh không cấu nhiễm, thị hiện sự thù thắng. Điều này làm sáng tỏ ý nghĩa gì? Như chữa trị bệnh nặng khiến cho bệnh mau khỏi, chỉ có cách cho thuốc quý khiến uống thì được thuyên giảm. Như vậy chúng sinh có quá nhiều phiền não mau được diệt trừ, khiến cho họ đạt được các pháp thù thắng, đối trị là trừ sạch. Nghĩa này nên biết. Đây là chỉ rõ chúng sinh sống ở cõi đây xấu ác, nhiều đau khổ, nhiều phiền não, là thế giới cấu nhiễm.

Để giúp các Bồ-tát được thấy Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Phật mà lễ bái cúng dường, cho nên hỏi đáp với Như Lai.

Bậc Thánh giả Phạm Thiên Thắng Tư Duy, là bậc thượng thủ, thưa hỏi. Hỏi đáp dựa vào Phạm Thiên Thắng Tư Duy để sinh tâm cung kính đối với đại chúng. Thị hiện Phạm Thiên Thắng Tư Duy cuối cùng được những biện tài ưa giảng nói gì? Được quả gì của biện tài ưa giảng nói? Dựa vào hai loại thuyết giảng này là thù thắng bậc nhất trong sự thưa hỏi chính xác. Nghĩa này nên biết. Câu đầu nói: Được những biện tài ưa giảng nói, là hỏi về sự tương ứng của mọi nơi chốn, do năng lực thiện xảo khiến cho chúng sinh lãnh hội, do ngôn ngữ tối thắng, do lời lẽ tôn trọng, do giảng nói về nhân chính, vì dựa vào nghĩa thật mà nói, dựa vào sự an ổn mà nói. Đó gọi là điều tuyệt đẹp, vì có tình người, vì ở bên cạnh bậc Đại thiên-nhận được cúng dường với tâm thanh tịnh, vì tất cả các ma oán thù địch không thể khống chế được, vì giảng nói ý nghĩa sâu kín. Tám câu vừa rồi là nói về biện tài ưa giảng nói của Phạm Thiên Thắng Tư Duy, với những lời nói hay đẹp. Nghĩa này nên biết. Nên biết thế nào? Đó là:

1. Tương ứng.
2. Khiến hiểu biết.
3. Tôn trọng.
4. Yên ổn.
5. Tình người.
6. Thanh tịnh vô cùng.
7. Không thể hàng phục.
8. Hết mực thâm diệu.

Tiếp đến nói về nhân của biện tài ưa giảng nói (biện tài nhạo thuyết), chỉ rõ khi giảng nói pháp với ngôn ngữ như vậy, có nhiều công đức. Nếu các chúng sinh có ai không tu, tập hạnh chân chánh như thật, nhưng tâm vẫn không rời bỏ họ, bởi vì cùng với sự an lạc thù thắng khéo tương ứng, bởi vì mong cho các chúng sinh lìa xa mọi khổ đau, được an vui thù thắng, bởi vì lúc mang lại công đức đẹp vui vẻ cho họ thì hoan hỷ chúc mừng, bởi vì cầu mong không nhiễm ô và mang lại sự an ổn vui sướng tốt lành.

Dùng năm câu này để nói về nhân tố biện tài ưa giảng nói, với ngôn ngữ hay đẹp của Phạm Thiên Thắng Tư Duy. Về nghĩa này nên biết. Nên biết những gì? Chỉ rõ ba loại tâm:

1. Tâm không buông bỏ.
2. Tâm ban cho vui.
3. Tâm yên ổn.

Như vậy, nói theo thứ tự một-ba-một, nên biết.

Tiếp theo nói đến phần đạt được những biện tài ưa giảng nói pháp như thế nào? Đó là có năng lực đoạn trừ nghi ngờ trong tất cả mọi ý nghĩa của hết thảy chúng sinh kia.

Về nghĩa của bài kệ, y như trong kinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen Phạm Thiên Thắng Tư Duy: Lành thay! Lành thay! Phạm Thiên!

Lại lành thay, Phạm Thiên! Vì Phạm Thiên đã mở ra nghi thức đến trước Phật để thỉnh hỏi, tương ứng với sự việc trong ba thời gian này. Nên biết lành thay Phạm Thiên! Nay ông hãy chí tâm lắng nghe, Ta sẽ nói cho ông theo thứ tự như vậy, với tâm không điên đảo và tâm chánh niệm.

Tâm Phạm Thiên kiên cố mà không biết mệt mỏi, là tâm chánh trực. Trong này tâm tin vào Đại Bồ đề làm gốc, là tương phát nguyện, dựa vào nguyện ấy thì có thể đầy đủ được tất cả công đức của địa Như Lai.

Dựa vào phương tiện kiên cố của tâm Bồ-đề, mới có câu hỏi thứ nhất.

Nói giản lược, trong Đại thừa có bốn loại sự việc mỗi một. Từ bốn sự việc mỗi một đó, dù Bồ-tát có phát tâm Bồ-đề, phát nguyện Bồ-đề, nhưng vẫn làm mất tâm Bồ-đề ấy. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Vì các chúng sinh không tu hành như thật.
2. Vì làm nhiều sự việc.
3. Vì mất nhiều thời gian trong hành hữu vi.

4. Trong sự giải thoát bình đẳng thường muốn được mau chóng giải thoát, vì Bồ-tát đó có lực.

Pháp đối trị với bốn chướng ngại này nghĩa là phát tâm Đại Bi đối với hết thảy chúng sinh.

Bốn pháp như vậy theo thứ tự mà nói đến, nghĩa này nên biết. Biết như thế nào? Nghĩa là các Bồ-tát dựa vào tâm Đại Bi, khi nhận thấy chúng sinh như thế-như thế không thể tu tập hạnh chân chánh như thật. Chuyển biến thêm lên như thế-như thế sinh tâm thương xót vì các chúng sinh đó khiến cho được giải thoát. Càng chuyển biến tăng trưởng thêm lên như thế như thế mà phát nguyện.

Hơn nữa, các Bồ-tát thường siêng năng tinh tiến không cảm thấy mỗi một đối với công việc đã làm khá nhiều và đều có thể làm xong.

Lại nữa, các Bồ-tát với các nỗi khổ trong quá khứ từ vô thủy đến nay, đều tin hiểu như giấc mộng, không chấp nỗi khổ trong đời vị lai ở thời gian sau.

Lại nữa, các Bồ-tát vì Nhất thiết trí, mặc dù đồng với hàng Nhị thừa giải thoát khỏi mọi phiền não, tuy nhận lấy vô lượng công đức không chung, nhưng vì Bồ-tát có lực đoạn tuyệt mọi phiền não với tâm niệm muốn được nhanh chóng giải thoát.

Nói không như nhau là không chung về công đức, vì không có ngang bằng.

Vốn nói như nhau tức là một phần ít của Nhị thừa cùng đoạn phiền não, vì vậy gọi là như nhau. Do ý nghĩa ấy cho nên gọi là không hề có bằng nhau.

Bốn loại tâm không mỗi một như vậy, đối trị với bốn loại chướng ngại khiến tâm mỗi một.

Vì vậy, đối với Đại thừa, tâm Bồ-tát kiên cố, mà không mỗi một. Tâm như vậy nương vào pháp Phật tự thân tu hành thuần thực như thật.

Chính thức nói pháp xong. Tiếp đến dựa vào phần vì người khác tu hành như thật. Lược nói về bốn pháp. Vốn nói về sự quyết định không hối tiếc nữa chừng, đối với hai loại nghĩa:

1. Không có nghĩa.
2. Có nghĩa.

Nói không có, là vì không có ngã. Không có ngã ấy vì xa lìa pháp.

Nói không có pháp, vì không có tướng của pháp đó, thì Bồ-tát nói các pháp đó hoàn toàn không có ngã. Các Bồ-tát đều như vậy, cuối

cùng nói tất cả pháp đều không có ngã.

Nói có nghĩa thì có ba loại nghĩa:

1. Nghĩa có lỗi.
2. Nghĩa công đức.
3. Nghĩa có hai.

Vì sai biệt cho nên thuộc về nghĩa có lỗi, tức là tất cả mọi nơi sinh ra đều thâm nhiếp tất cả phiền não. Vì không muốn sinh vào đó cho nên không thích giảng nói. Vì vậy Bồ-tát cuối cùng nói rõ : Tất cả mọi nơi sinh ra đó không có gì an vui. Các Bồ-tát đều như vậy, nói chắc chắn nhưng nơi sinh ra không có gì vui vẻ.

Nghĩa công đức; là ca ngợi pháp vô thượng của Đại thừa, vì các công đức đều tương ứng với tất cả. Vì vậy Bồ-tát cuối cùng quyết định thường ca ngợi Đại thừa. Các Bồ-tát đều như vậy, luôn luôn ca ngợi pháp Đại thừa.

Nói nghĩa có hai, tức là Bồ-tát đã vượt lên trên hai pháp công đức chẳng không. vì vậy Bồ-tát cuối cùng nói hai pháp đó không phải là không. Các Bồ-tát đều như vậy, cuối cùng nói hai pháp tội-phước kia là chẳng không. Điều này trình bày nghĩa gì? Mặc dù trải qua vô lượng thời gian, khi nhân duyên tương ứng thì sinh quả báo.

Như vậy nương vào sự lợi ích cho mình-cho người mà tu hành như thật, cuối cùng nói pháp xong. Tiếp đến là nói về việc làm tăng trưởng các căn thiện, là dựa vào nhân của quả báo thế gian và xuất thế gian, nói về căn thiện được lớn mạnh thêm.

Dựa vào nhân của quả báo xuất thế gian cho nên căn thiện được tăng trưởng. Nhân của quả báo thế gian có hai loại:

1. Nhân thành tựu thân tốt đẹp của mình.
2. Nhân thành tựu vật dụng giúp cho đời sống.

Nhân thành tựu thân tốt đẹp của mình có hai loại:

- Nhân thành tựu thân tốt đẹp của mình trong địa bất định, là căn thiện của giới được tăng trưởng.

- Nhân thành tựu thân tốt đẹp của mình trong địa định, là căn thiện của trí được tăng trưởng, vượt qua công đức của trí thuộc địa dưới-trên, vì dựa vào căn bản trí liạ dục mà thành trí căn thiện.

Nhân thành tựu vật dụng giúp cho đời sống, là buông bỏ tất cả mọi vật, đó là nhân bố thí cho nên căn thiện được tăng trưởng.

Nhân của quả báo xuất thế gian, là nhân giải thoát, là tướng xuất gia, nhân xa lìa tham đắm. Do nhân ấy cho nên có được nhân giải thoát.

Tất cả căn thiện của công đức tăng trưởng loại tăng trưởng thêm,

là các căn thiện này dựa vào các biện luận của thế gian. Có năm loại nghĩa tăng thượng cho nên gọi là tăng trưởng. Những gì là năm loại? Đó là:

1. Các căn thiện hàng phục tăng thêm cho nên gọi là tăng trưởng, vì căn thiện này vượt hẳn các căn thiện của hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật...

2. Tăng thêm không trái ngược cho nên gọi là tăng trưởng, bởi vì không lui sụt, bởi vì kiên cố.

3. Tăng thêm không sợ hãi cho nên gọi là tăng trưởng, bởi vì nương vào căn thiện này cho nên vượt qua mọi sợ hãi của cõi ác, như địa ngục...

4. Tăng thêm không thiên lệch cho nên gọi là tăng trưởng, vì có năng lực phá tan mọi pháp bị đối trị.

5. Tăng thêm không khác biệt cho nên gọi là tăng trưởng, vì làm lợi mình-lợi người mà không có tướng khác nhau.

Tăng trưởng các căn thiện như vậy, cho nên đối với chúng sinh không tin pháp Phật, không tu hành như thật, tâm không sinh cảm giận, ở trong phần thiện hạnh như đọc tụng..., đúng như pháp mà nói, không có gì sợ hãi, oai nghi không đổi. Vì vậy, theo thứ tự giảng nói tướng của pháp Phật, đối với các chúng sinh không tin pháp Phật, không tu hành như thật, cũng không chút e sợ và oai nghi không thay đổi.

Có ba hạng sợ hãi là hạng hèn yếu, trung bình, bậc thượng. Hèn yếu là lo sợ mạng sống không có được của tiền nuôi dưỡng. Hạng trung bình có hai:

1. Thường sợ bị chê bai làm nhục.

2. Thường sợ bị tai tiếng xấu ác, nói xấu ngay trước mặt và cả lúc vắng mặt.

Sợ hãi bậc thượng là thường sợ thân phải chịu mọi khổ não.

Không chút sợ hãi, oai nghi không thay đổi như vậy là tùy thuận pháp tịnh. Vì vậy tiếp theo là nói về các pháp tịnh tịnh trưởng.

Nương vào bốn loại pháp tịnh mà nói:

1. Ham muốn pháp tịnh.

2. Thực hành pháp tịnh.

3. Đầy đủ công đức pháp tịnh.

4. Chứng đắc pháp tịnh.

Ham muốn pháp tịnh có nghĩa là Bồ-tát dùng Đại Bồ-đề giáo hóa chúng sinh phát sinh tâm ham muốn ấy, khiến cho các chúng sinh ở đời vị lai đạt được tướng ham muốn của tự Thể trong các pháp tịnh.

Thực hành pháp tịnh là các Bồ-tát từ bỏ đời sống đầy đủ của tiền, các vật châu báu..., tất cả đều dùng vào việc bố thí, hoàn toàn không mong cầu quả báo cho thân mình trong vị lai.

Đầy đủ công đức của pháp tịnh là các Bồ-tát dựa vào nhân tố từ bỏ châu báu, được thành tựu pháp mẫu nhiệm tốt đẹp, tâm không tham đắm mà tiếp tục tu hành pháp tịnh, nhiếp thủ pháp mẫu nhiệm. Do tương ứng với sự nghe nhiều học rộng, cho nên tất cả pháp tịnh đều được huân tập đầy đủ, vì vậy các công đức của Bồ-tát đều đầy đủ.

Chứng đắc pháp tịnh là các Đại Bồ-tát nương vào trí để chứng đạt, vì đối với Đại Bồ-đề của tự thân, cho nên nói phương tiện trí đạt được pháp thù thắng của trí chứng ngộ các pháp tịnh kia.

Tăng trưởng các pháp tịnh như thế xong, Bồ-tát tùy thuận để khéo nhận biết từ địa này đến địa khác. Vì vậy tiếp tục nói đến tướng của pháp đó, nghĩa là dựa vào bốn pháp mà nói. Những gì là bốn pháp? Đó là:

1. Công đức đầy đủ.
2. Các chương thanh tịnh.
3. Tâm thành tựu.
4. Tu hành đầy đủ.

Tập hợp các căn thiện, là đạt được các công đức đầy đủ từ địa này đến địa khác.

Lìa các lỗi, là làm thanh tịnh tất cả các chương ngại kia.

Phương tiện hồi hướng, là xa lìa đời sống tiền của hữu lậu và từ bỏ tâm ham giải thoát mau chóng của hàng Tiểu thừa. Tất cả căn thiện hiện có đều hồi hướng tiếp nhận Đại Bồ-đề cho nên siêng năng tinh tiến, là chí tâm tu hành trong tất cả mọi lúc luôn luôn không đoạn dứt, vì dựa vào căn bản cho nên nhận lấy nơi chốn thù thắng.

Như vậy đã nói về phương tiện xong. Tiếp theo là nói về phương tiện nơi pháp tướng, khéo nhận biết phương tiện giáo hóa chúng sinh.

Dựa vào bốn pháp mà nói:

1. Có khả năng giáo hóa chúng sinh.
2. Tập hợp vô lượng công đức của trí.
3. Tập hợp vô lượng trí tuệ.
4. Phương tiện.

Có năng lực giáo hóa chúng sinh, nghĩa là nương vào bố thí, ái ngữ..., tùy thuận các chúng sinh, nhiếp thủ các chúng sinh. Vì vậy Bồ-tát có khả năng giáo hóa chúng sinh.

Tập hợp vô lượng công đức của trí, là tuy xa lìa phần vị định-bất

định, mà nương vào hành bố thí..., cho nên hết thấy các loại công đức của tất cả chúng sinh ở trong ba đời thấy đều tùy hỷ. Vì vậy Bồ-tát đạt được vô lượng công đức của trí.

Tập hợp vô lượng trí tuệ, là mặc dù không có trí đối trị với chướng ngại mà thường xuyên tu hành phát lộ sám hối, cho nên Bồ-tát tập hợp được vô lượng trí tuệ.

Phương tiện là dựa vào tất cả pháp tu hành đối trị của Bồ-tát mà khuyến thỉnh chư Phật. Dựa vào là vì các chúng sinh mà ban cho trí tuệ sáng suốt để tập hợp các trí tuệ, và khéo dùng phương tiện làm căn bản, cho nên Bồ-tát có được vô lượng trí tuệ.

Như vậy đã nói xong về phương tiện tu hành. Tiếp theo là nói đến vì chúng sinh mà Bồ-tát giảng nói về tướng của pháp. Tùy thuận các chúng sinh để giảng nói pháp cho họ, nghĩa là dựa vào bốn loại các chúng sinh mà nói.

1. Dựa vào chúng sinh trung gian.
2. Dựa vào chúng sinh nhập pháp.
3. Dựa vào chúng sinh chê bai pháp.
4. Dựa vào chúng sinh đã tôn trọng. Vì tùy thuận chúng sinh đó cho nên dùng phương tiện oai nghi.

Dựa vào chúng sinh trung gian, là dựa vào chúng sinh chưa tin pháp Phật, Bồ-tát tu hành tùy theo những chúng sinh đã tin tưởng pháp Phật, Bồ-tát giảng nói pháp cho họ, trao cho chúng sinh đó mọi sự yên ổn, không những chỉ cho họ sự cúng dường cung kính mà còn không hề lừa dối họ. Bồ-tát luôn hành trì như vậy.

Dựa vào chúng sinh nhập pháp, là tâm Bồ-tát muốn chúng sinh được tiến vào nghĩa lý của pháp cho nên Bồ-tát cung cấp cho họ, khiến cho các chúng sinh còn tham đắm lợi dưỡng kia được gần gũi Bồ-tát và có thể tiến vào nghĩa lý của pháp.

Đối với pháp như vậy có người nào chưa được hóa độ thì Bồ-tát khiến cho họ được hóa độ. Bồ-tát không thấy mệt mỏi trong việc bố thí, chu cấp áo cơm tiền của cho những ai cần. Làm như vậy mà Bồ-tát không vì tự thân tham đắm thú vui cho mình. Bồ-tát luôn hành trì như vậy.

Dựa vào chúng sinh chê bai pháp, là việc làm của Bồ-tát không có lỗi lầm. Nương vào sự nhu hòa nhẫn nhục, không chấp tội của chúng sinh mà luôn chỉ dạy sám hối, Bồ-tát thực hành như vậy. Dựa vào chúng sinh đã tôn trọng, Bồ-tát đối với những chúng sinh khuất phục thuận theo, tùy lời nói mà tiếp nhận, Bồ-tát luôn luôn hành trì như vậy.

Như vậy đã nói về Bồ-tát tùy thuận chúng sinh, tu hành như thật, giảng nói pháp cho họ không biết mệt mỏi. Tiếp theo là nói về việc không làm mất tâm Bồ-đề. Bởi vì không làm mất tâm Bồ-đề cho nên mới tùy thuận giảng nói pháp, nhận thấy quả vị Phật mẫu nhiệm lấy làm tối thắng.

Dựa vào bốn pháp mà nói:

1. Nướng vào việc không xâm đoạt vật của người khác.
2. Nướng vào nhân của định.
3. Nướng vào lực của duyên.
4. Nướng vào lực của nhân.

Thường xuyên nhớ nghĩ Phật, là tâm thường xuyên nhớ nghĩ đến quả của tâm Bồ-đề nơi Phật. Vì nhận thấy quả vị Phật đã thành tựu vô lượng công đức không chung. Đây là dựa vào việc không chiếm đoạt vật của người khác, vì vậy không làm mất tâm Bồ-đề. Hết thấy căn thiện đã làm không lia tâm Bồ-đề, tức là mọi căn thiện đều lấy tâm Bồ-đề làm gốc. Vì nướng vào tâm Bồ-đề là nhân lâu dài trong vô lượng đời. Vì dựa vào nhân của định cho nên không bị lôi kéo để gánh chịu mọi thứ quả báo của thế gian. Đây là dựa vào nhân của định đưa tới đâu thì ở đó cho nên không làm mất tâm Bồ-đề.

Gần gũi thiện tri thức là do tu hành chân chánh, nướng vào duyên lực bên ngoài là thiện tri thức ... Đây là nướng vào lực của duyên, cho nên không làm mất tâm Bồ-đề.

Ca ngợi Đại thừa là vì các chúng sinh phát tâm Bồ-đề tán thán Đại thừa, cho nên đời đời kiếp kiếp đều được tăng trưởng tất cả chủng tử căn thiện làm diệu lực của nhân cho bản thân mình. Nhân to lớn có sức mạnh kiên cố, dựa vào lực của nhân này, cho nên tâm Bồ-đề không mất.

Không làm mất tâm Bồ-đề như vậy, cuối cùng nhất tâm hành hạnh Bồ-tát, vì vậy theo thứ tự giảng nói tướng của các pháp kia.

Người có khả năng buộc tâm mình vào một chỗ mà không tán loạn, bởi vì dùng bốn loại đối trị với chướng khiến tâm tán loạn, cho nên nói bốn loại tâm không tán loạn. Những gì là bốn loại chướng khiến tâm tán loạn? Đó là:

1. Chướng ngại vì Thừa.
2. Chướng ngại giáo hóa chúng sinh.
3. Chướng ngại tích tập đầy đủ công đức của pháp Phật.
4. Chướng ngại đến cuối cùng tích tập tất cả Phật pháp.

Bốn loại tâm không tán loạn là những tâm nào? Đối trị ra sao? Đó

là:

1. Xa lìa tâm Thanh văn, là đối trị chướng ngại nơi Thừa, không rơi vào tâm Tiểu thừa của Thanh văn, cho nên tâm Bồ-tát không tán loạn đối với Đại thừa.

2. Từ bỏ tâm niệm về Bích-chi-Phật, là đối trị chướng ngại đến việc giáo hóa chúng sinh, không vướng mắc vào việc ưa thích hành Tam-muội của tự thân. Vì vậy Bồ-tát giáo hóa chúng sinh mà tâm không tán loạn.

3. Cầu pháp không hề chán đủ, đối trị với chướng ngại đến việc tích tập đầy đủ công đức của pháp Phật. Vì cầu pháp Phật không hề chán đủ, vì tập hợp tất cả pháp của chư Phật, vì tăng trưởng các loại căn thiện, vì đầy đủ các công đức của pháp Phật, cho nên Bồ-tát tu tập đầy đủ công đức của pháp Phật với tâm không tán loạn.

4. Như pháp đã được nghe mà giảng nói rộng cho mọi người về pháp đó, nhằm đối trị chướng ngại đến việc tích tập trọn vẹn tất cả pháp Phật. Theo như pháp được nghe như vậy-như vậy mà chánh niệm quán xét, do nhận biết đúng đắn, tích tập rốt ráo tất cả pháp Phật, vì vậy Bồ-tát tích tập hết thấy pháp Phật một cách trọn vẹn mà tâm không tán loạn. Đó gọi là bốn loại tâm không tán loạn, đối trị với bốn loại chướng ngại tâm tán loạn, nghĩa này nên biết.

Cuối cùng được nhất tâm như vậy rồi khéo léo mong cầu pháp. Vì vậy tiếp theo nói về việc khéo léo cầu pháp để đối trị với bốn loại quả báo thành tựu ở thế gian, giống như nói về sự thành tựu của bốn loại quả báo xuất thế gian.

Nên biết là chỉ rõ việc Bồ-tát mong cầu thành tựu quả báo xuất thế gian.

Mong cầu các pháp nào gọi là thành tựu bốn loại quả báo thế gian? Đó là:

1. Thành tựu sự đoan nghiêm, vui thích vi diệu.
2. Thành tựu không bệnh tật.
3. Thành tựu sự giàu sang.
4. Thành tựu việc không sợ người khác.

Thế nào là tướng đối trị? Như người thế gian cho là thành tựu tự thân đoan nghiêm làm nhân hiếm có để mong cầu châu báu.

Như vậy, Bồ-tát cho là thành tựu các tướng tốt đẹp vui vẻ vi diệu, là từ nhân của pháp thiện, sinh ý tưởng quý báu sinh ý tưởng hy hữu cho nên Bồ-tát cầu các pháp. Như người thế gian vì muốn không bệnh, cho nên mong cầu cỏ thuốc mâu nhiệm. Cũng như vậy vì đoạn trừ tất

cả phiền não, Bồ-tát có ý tưởng pháp Phật là thuốc mầu nhiệm, cho nên mong cầu các pháp. Như người thế gian, vì muốn được giàu sang cho nên mong cầu của cải lợi lộc.

Cũng như vậy vì mong cầu thành tựu các thần thông, không lùi lại, vì mong cầu tướng nghĩa khiến đạt được không mất, Bồ-tát coi pháp Phật là nơi phát sinh của cải lợi ích, cho nên mong cầu các pháp. Như người thế gian đã xa lìa giặc..., không còn lo sợ gì cho nên họ mong cầu của báu. Cũng như vậy vì đã xa lìa tất cả phiền não chướng ngại khiến chúng không thể ràng buộc Bồ-tát. Bồ-tát không sợ bất cứ chốn nào.

Bồ-tát không sợ bất cứ chốn nào, là mọi nỗi khổ ở thế gian. Bồ-tát đã vượt qua tất cả thế gian, xa lìa tất cả tướng khổ của thế gian, đạt được tướng vắng lặng yên tĩnh, vì đạt được Niết-bàn thành tựu không sợ hãi, vì Bồ-tát ở trong pháp Phật sinh ý tưởng không có khổ để mong cầu các pháp.

